TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2023
"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O1 và bà Vũ Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung K1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 34/QĐXXST - HNGĐ, ngày 13/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim O, sinh năm: 1989 (có mặt).

HKTT, trú tại: thôn A, xã B1, huyện G, thành phố H2.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

HKTT: thôn P, xã B2, huyện K, tỉnh H.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an thành phố H2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày: 24/11/2019.

HKTT, trú tại: thôn A, xã B1, huyện G, thành phố H2.

Người giám hộ cho cháu V là anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị Kim O là bố, mẹ đẻ của cháu.

4. Người làm chứng:

1.4 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn P, xã B2, huyện K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim O trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990, quê quán tại thôn P, xã B2, huyện K, tỉnh H trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, trước khi được UBND xã B2 đăng ký kết hôn ngày 07/01/2020, anh, chị đã có thời gian chung sống từ cuối năm 2018. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, anh B không chung thực mà dấu việc đã có một đời vợ và hai người con riêng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 01/2022, anh B vi phạm pháp luật và hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an thành phố H2. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh B.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh kết hôn cùng chị Trần Thị Kim O trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B2, trước đó anh, chị cũng đã có thời gian chung sống với nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị O xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có một con chung tên là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019, hiện cháu đang ở với chị O, chị O có quan điểm được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh B phải đóng góp phí tổn nuôi con chung, anh B nhất trí không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Không liên quan, cả hai anh, chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2023, người làm chứng, bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn B. Anh B kết hôn cùng chị O trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B2. Hiện do vi phạm pháp luật, anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an thành phố H2. Nay chị O xin ly hôn với anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị O. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019, hiện cháu đang ở với chị O.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh B: không có gì liên quan. Quá trình chung sống vợ chồng anh B không có đóng góp gì với gia đình bà.

Qua xác minh tại UBND xã B2 ngày 11/5/2023 xác định: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị Kim O xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã B2 ngày 07/01/2020. Địa phương không nắm rõ quá trình chung sống anh, chị có phát sinh mâu thuẫn không nhưng do vi phạm pháp luật, hiện anh B đang bị giam giữ. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan. Việc chị O xin được ly hôn với anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu xin được ly hôn, quyền nuôi con chung và các vấn đề liên quan.
- Bị đơn vắng mặt do đang bị tạm giam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019 cho chị O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị O, anh B đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 07/02/2023, chị Trần Thị Kim O có đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn B xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Nguyễn Văn B hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 2, Thường Tín, Hà Nội, nhưng có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B2, huyện K, tỉnh H. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt do đang bị tạm giam không thể tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim O và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã B2, huyện K, tỉnh Hđăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2020, do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Cả hai đều khẳng định, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc, đến năm 2022 do vi phạm pháp luật, anh B đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Hà Nội, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị O xin được ly hôn, anh B cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình của anh, chị đang ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị O được ly hôn với anh B.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019, hiện đang sinh sống cùng chị O. Quá trình giải quyết, chị O xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, anh B nhất trí. Xét thấy từ nhỏ cháu V thường xuyên sinh sống cùng chị O, cuộc sống ổn định và đảm bảo, mặt khác xét hoàn cảnh thực tế, cũng như cháu V là con gái, còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên cần giao cháu V cho chị O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do chị O không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Cả chị O, chị B đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Trần Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Toà án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Xử;

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 24/11/2019 cho chị Trần Thị Kim O tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0008129, ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị O đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã B2.*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu: Hồ sơ, Vp.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr